

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2024/DS-ST
Ngày: 22-7-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Long Giang;

Ông Phạm Tấn Bình;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 332/2023/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2024/QĐST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân Hàng TMCP S; địa chỉ trụ sở: 266 – B, N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Ngân Hàng TMCP S – Chi nhánh B – Phòng G, số E, đường D, khu B, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám Đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc Sơn N – là người đại diện theo ủy quyền. (Quyết định ủy quyền số 34/2024/UQ-PGD PG n gày 06/3/2024 của Ngân Hàng TMCP S); có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1959; cùng địa chỉ: đường L, khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tham gia tố tụng của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân Hàng TMCP S là ông Nguyễn Ngọc Sơn N trình bày:

Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh B – P (S1) có tài trợ cho ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị R vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số 202025518975 ngày 14/7/2020 và các thỏa thuận, sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng. Theo đó ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị R đã nhận nợ vay với số tiền 5.000.000.000 đồng, cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng số 202025518975 ngày 14/7/2020 số tiền 5.000.000.000 đồng.

+ Biện pháp bảo đảm tiền vay: Thế chấp Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR774850, số vào sổ CS16835 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp cho hộ ông Nguyễn Văn K ngày 26/8/2019.

Do ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị R vi phạm nghĩa vụ trả nợ, S1 đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Mặc dù Ngân hàng TMCP S thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp để yêu ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị R có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng TMCP S cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị R trả nợ. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị R vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Vì vậy, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đề nghị quý Tòa xem xét giải quyết buộc ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị R thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 22/7/2024 là 6.384.931.578 đồng (sáu tỷ ba trăm tám mươi bốn triệu chín trăm ba mươi một nghìn năm trăm bảy mươi tám đồng), trong đó nợ gốc là 5.000.000.000 đồng, lãi trong hạn là 290.712.328 đồng, lãi quá hạn là 1.060.746.575 đồng, lãi phạt quá hạn là 33.472.675 đồng.

Trường hợp ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị R không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR774850, số vào sổ CS16835 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp cho hộ ông Nguyễn Văn K ngày 26/08/2019 để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị R đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn có địa chỉ tại thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 30, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung yêu cầu:

[2.1] Nguyên đơn và bị đơn đã ký hợp đồng tín dụng số 202025518975 ngày 14/7/2020 để vay số tiền 5.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Sau khi vay bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với nguyên đơn, vi phạm cam kết đã ký giữa các bên. Theo khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bị đơn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng các khoản lãi, lãi quá hạn phát sinh từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng đã ký giữa nguyên đơn và bị đơn. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc thanh toán tiền gốc và lãi là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về việc xử lý tài sản đảm bảo: Xét Hợp đồng thế chấp tài sản số 3325/PG ngày 14/7/2020, tại thời điểm giao kết hợp đồng các bên giao kết có đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự, tự nguyện giao kết hợp đồng, mục đích và nội dung của các giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên căn cứ các Điều 117, 288, 401, 463, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), hợp đồng dân sự có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm giao kết nên buộc các bên phải thực hiện. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR774850, số vào sổ CS16835 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp cho hộ ông Nguyễn Văn K ngày 26/8/2019 để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị R.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu số tiền 5.000.000 đồng chi phí thẩm định để hoàn trả cho nguyên đơn.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí tuy nhiên do bị đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 179, 180, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 117, Điều 288, Điều 317, Điều 320, Điều 401, Điều 463, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);

Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng Việt Nam năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chính Phủ về quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ giao dịch bảo đảm;

Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với bị đơn ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị R.

Buộc ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị R có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng số 202025518975 ngày 14/7/2020 tổng số tiền là 6.384.931.578 đồng (sáu tỷ ba trăm tám mươi bốn triệu chín trăm ba mươi một nghìn năm trăm bảy mươi tám đồng), trong đó nợ gốc là 5.000.000.000 đồng, lãi trong hạn là 290.712.328 đồng, lãi quá hạn là 1.060.746.575 đồng, lãi phạt quá hạn là 33.472.675 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị R không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR774850, sổ vào sổ CS16835 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp cho hộ ông Nguyễn Văn K ngày 26/8/2019 để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị R đối với Ngân hàng

Thương mại Cổ phần S.

2. Về chi phí tố tụng khác: Buộc ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị R phải liên đới nộp số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

H lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 56.804.652 đồng (năm mươi sáu triệu tám trăm lẻ bốn nghìn sáu trăm năm mươi hai đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0003218 ngày 14/11/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị R được miễn nộp tiền án phí.

4. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Anh Duy